

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 19-8-2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Bà Pang Ting Suyl

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Y. Trụ sở: Số 744B, Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ văn phòng: Số 11 đường T, Lô 90, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn Y, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phan Đình T, sinh năm 1969, theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1981, bà Trương Thị B, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông T, bà B có mặt, ông K và ông G vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Y, ông Phan Đình T trình bày:

Ngày 20/4/2019, Công ty Y được sự đồng ý của chính quyền địa phương nên đã tổ chức hội thảo tại Thôn 2, xã M, huyện L để bán phân vi sinh cho các hộ dân trong thôn, việc này có thông qua thôn trưởng là ông K. Trong các hộ dân tại Thôn 2 thì có vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B có mua của Công ty Y, ông G là người ký trực tiếp với công ty số lượng là 10 tấn, đơn giá là 3.700.000đồng/1 tấn, thành tiền là 37.000.000đ, các bên có thỏa thuận là đến ngày 25/12/2019 trả nợ cho Công ty Y số tiền trên, nếu quá hạn sẽ phải chịu lãi suất là 1.5%/ tháng. Quá thời hạn trên ông G, bà B không trả tiền mua phân cho công ty, đã nhiều lần công ty yêu cầu ông G, bà B trả nợ nhưng ông G, bà B không trả. Vì vậy, Công ty Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông G, bà B trả cho công ty số tiền gốc mà ông G, bà B còn nợ do mua phân từ năm 2019 số tiền 37.000.000đồng và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 1,5%/tháng vì phạm là ngày 26/12/2019 cho đến ngày khởi kiện là 03/01/2022: 37.00.000đồng x 1,5%/1 tháng x 24 tháng, mức lãi suất là 1,5%/tháng, thành tiền là 13.320.000đồng, Tổng cộng gốc và lãi là 50.320.000đồng, tiền lãi phát sinh cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B - bà Trương Thị B là đại diện ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu G tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 20/4/2019, vợ chồng bà có mua phân bón vi sinh (phân heo đã qua xử lý) của Công ty Y số lượng là 10 tấn, đơn giá là 3.700.000đồng/1 tấn, thành tiền là 37.000.000đ, các bên có thỏa thuận là đến ngày 25/12/2019 trả nợ cho Công ty Y số tiền trên, nếu quá hạn sẽ phải chịu lãi suất là 1.5%/ tháng.

Sau khi mua phân bón xong vợ chồng bà chưa trả tiền mua phân cho công ty, vì lý do phân của công ty kém chất lượng, bỏ phân cho hoa màu thì cây chết không lên được, cây cà phê thì vàng, lá rụng. Ông, bà có gửi hình ảnh cho trưởng thôn để gửi về cho Công ty Y là phân không đạt, yêu cầu Công ty vào chở hết số phân còn lại về, ông bà đã sử dụng bao nhiêu thì ông bà trả lại cho Công ty tương ứng số tiền bấy nhiêu. Với yêu cầu khởi kiện của Công ty Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà trả cho công ty số tiền gốc mà ông bà còn nợ do mua phân từ năm

2019 là 37.000.000đồng và tiền lãi là 13.320.000đồng (theo mức lãi suất 1,5%/tháng, vi phạm là ngày 26/12/2019 cho đến ngày khởi kiện là 03/01/2021: 37.000.000đồng x 1,5%/1 tháng x 24 tháng, mức lãi suất là 1,5%/tháng), tổng cộng gốc và lãi là 50.320.000đồng thì ông, bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy K trình bày:

Năm 2019, Công ty Y có về địa phương nên đã tổ chức hội thảo tại Thôn 2, xã M, huyện L để bán phân vi sinh cho các hộ dân trong thôn, trong đó có vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B đã mua phân của Công ty Y, việc giao kết hợp đồng đối với Công ty Y như thế nào thì ông không rõ, ông có chỉ cho Công ty giao phân tại gia đình vợ chồng ông G, bà B số lượng là 10 tấn, đơn giá là 3.700.000đồng/1 tấn, thành tiền là 37.000.000đ, các bên có thỏa thuận là đến ngày 25/12/2019 sẽ phải trả nợ cho Công ty Y số tiền trên, nếu quá hạn sẽ phải chịu lãi suất là 1.5%/ tháng.

Sau khi mua phân của công ty, vợ chồng ông G, bà B có thông báo cho ông là phân không đảm bảo chất lượng và ông đã báo với Công ty Y, còn việc Công ty có đến xử lý không thì ông không biết.

Ông không giao dịch mua bán phân với vợ chồng ông G, bà B nên tôi không liên quan gì đến vụ án này, ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự có mặt nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B phải trả số tiền gốc 37.000.000đồng và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 1,5%/tháng, vi phạm là ngày 26/12/2019 cho đến ngày xét xử là 19/8/2022: 37.000.000đồng x 1,5%/1 tháng x 31 tháng, 23 ngày với mức lãi suất là 1,5%/tháng, thành tiền là 17.630.000đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 54.630.500đồng. Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu G là bà Trương Thị B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 37.000.000đồng và

tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 1,5%/ tháng, vi phạm là ngày 26/12/2019 cho đến ngày xét xử là 19/8/2022: 37.000.000đồng x 1,5%/1 tháng x 31 tháng, 23 ngày thành tiền là 17.630.500đồng, tổng cộng gốc và lãi là 54.630.500đồng.

Về án phí: Ông G, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông G, bà B (ông G ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng có mặt), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc ngày 20/4/2019 việc Công ty Y đã bán phân bón cho vợ chồng ông G, bà B số lượng là 10.000kg, loại phân HCVS (phân heo, gà đã qua xử lý), đơn giá là 3.700kg thành tiền 37.000.000đồng thời hạn trả cuối cùng là ngày 25/12/2019, lãi thỏa thuận là 1,5%/ tháng đến nay đã quá hạn công ty đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông G, bà B không trả nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty Y (viết tắt là Công ty Y) được Cục bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Ngày 20/4/2019, giữa Công ty Y và ông G, bà B có thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận hàng hóa, theo đó vợ chồng ông G, bà B đã mua của Công ty Y với số lượng là 10 tấn, đơn giá là 3.700.000đồng/1 tấn, thành tiền là 37.000.000đ, thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 25/12/2019.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng mua phân bón, tuy chỉ có ông G đại diện cho vợ chồng ký hợp đồng mua phân bón với Công ty Y, vợ chồng ông G, bà B đang tồn tại quan hệ hôn nhân và cùng chung sống một nhà, cùng sử dụng phân bón canh tác, thu hoạch vườn cà phê của gia đình, quá trình làm việc cũng như tại

phiên tòa bà B thừa nhận vợ chồng bà có mua phân bón của Công ty Y để bón cho cà phê, canh tác, thu hoạch cà phê tạo ra thu nhập phục vụ sinh hoạt trong gia đình, việc ký hợp đồng mua phân bón của chồng bà là ông G với Công ty Y thì bà có biết. Do đó cần buộc vợ chồng bà B, ông G cùng liên đới trả tiền mua phân bón cho Công ty Y là có căn cứ và đúng pháp luật.

Theo bản chính hợp đồng trên do nguyên đơn xuất trình, trong hợp đồng có thể hiện người nhận hàng là ông Nguyễn Hữu G có ký, ghi họ tên xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhưng ông G thừa nhận có việc mua phân bón của Công ty Y, sau đó ông ủy quyền cho vợ là bà Trương Thị B tham gia tố tụng, bà B thừa nhận 20/4/2019 vợ chồng bà có mua phân của Công ty Y với số lượng là 10 tấn, đơn giá là 3.700.000đồng/1tấn, thành tiền là 37.000.000đ, do sau khi bón phân cây bị chết thì có báo với Công ty Y vào chở phân về vợ chồng bà sẽ trả tiền chở phân về, việc báo là bằng miệng, không lập văn bản giấy tờ gì cho nên đến nay vợ chồng bà vẫn chưa trả cho Công ty Y số tiền trên. Nay công ty khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho Công ty Y số tiền gốc là 37.000.000đồng thì vợ chồng bà không đồng ý. Xét thấy, việc Công ty Y với ông G ký kết hợp đồng mua bán phân bón vào ngày 20/4/2019 là các bên hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng trên phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn không đồng ý trả số tiền gốc là 37.000.000đồng tiền gốc cho Công ty Y, ý kiến của bị đơn là phân của Công ty Y không đảm bảo chất lượng bán cho cây cà phê thì bị vàng lá, rụng nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho việc trình bày là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Y, buộc vợ chồng ông G, bà B phải trả cho công ty số tiền gốc đã mua phân là 37.000.000đồng.

[3.1] Tại phiên tòa, ngoài việc Công ty Y yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 37.000.000đồng thì Công ty Y còn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất quá hạn theo mức 1,5%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 26/12/2019 cho đến ngày xét xử là 19/8/2022 là 31 tháng 23 ngày thành tiền là 17.630.500đồng. Xét thấy, trong hợp đồng mua bán ngày 20/4/2019 giữa các bên có thỏa thuận: *“lãi suất 1,5%/ tháng đối với những trường hợp trả tiền sau ngày 25/12/2019”*, thỏa thuận này phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả”*. Đồng thời, mức lãi suất các bên thỏa thuận cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là 17.630.500đồng.

[3.2] Từ những nhận định trên xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn

số tiền gốc là 37.000.000đồng, tiền lãi là 17.630.500đồng, tổng cộng là 54.630.500đồng.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông G, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn, mức án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau: 54.630.500đồng x 5% = 2.731.500đồng. Hoàn trả cho Công ty Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 288, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Y về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Y số tiền gốc là 37.000.000đồng, tiền lãi là 17.630.500đồng, tổng cộng là 54.630.500đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu G, bà Trương Thị B phải chịu 2.731.500đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Y số tiền 1.258.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002963 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2022), riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh